TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH XUYÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/HNGĐ - ST
Ngày 30 - 12 - 2020
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quang Thái

Bà Lê Thị Bích Thuần.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Phương Nhật Mai - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Phó Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 236/2020/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc "có mặt".

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 10 năm 2020 và những lời khai tiếp theo tại tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau ngày 21 tháng 12 năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn chị về gia đình anh T làm dâu ngay và ở chung cùng gia đình anh T tại thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì. Đến năm 2013, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên

cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Hai vợ chồng không có con chung nên cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, nhiều lần vợ chồng cãi, mắng, chửi nhau. Anh chị đã nhiều lần trao đổi trò chuyện nhưng không giải quyết được mâu thuẫn. Chị đã về nhà mẹ đẻ chị ở từ năm 2014 và vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Hai bên không quan tâm chăm sóc cho nhau, không liên lạc gì với nhau và không có ý định về đoàn tụ với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T không có con chung.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án, gửi bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện, giấy triệu tập, công văn thông báo anh T lên Tòa án làm việc nhiều lần nhưng anh T không có mặt tại Tòa án; Tòa án đã niêm yết các loại văn bản giấy tờ cần phải tống đạt cho anh T theo quy định của pháp luật.

Ngày 24 tháng 11 năm 2020, Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Qua xác minh, đại diện UBND xã cho biết: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị M có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Hợp, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 21 tháng 12 năm 1999. Sau khi kết hôn chị M, anh T chung sống tại thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2013, hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Hai vợ chồng không có con chung nên cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, nhiều lần vợ chồng mắng chửi nhau. Chị M đã về nhà mẹ đẻ sống từ năm 2014, hai vợ chồng đã ly thân nhau từ đó đến nay không quan tâm thăm hỏi nhau nữa. Anh T và chị M không có con chung, không có tài sản chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng mối quan hệ có tranh chấp, xác định đúng tư cách đương sự, lập hồ sơ vụ án, cho đương sự trình bày đầy đủ, lập biên bản giao nhận các văn bản tố tụng, tống đạt thông báo thụ lý, ra quyết định xét xử, giao hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo thời gian đúng quy định, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai vẫn vắng mặt nên Tòa án đã giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M, cho chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn T ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn T không có con chung nên không giải quyết.

Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị M chịu cả theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Văn T, do đó đây là vụ án ly hôn. Bị đơn anh Nguyễn Văn T hiện có địa chỉ tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên.

Trong vụ án này, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cố tình vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tiến hành tố tụng mặc dù bị đơn là anh Nguyễn Văn T đã biết việc Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình do nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M khởi kiện nhưng không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, cố tình vắng mặt nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai của bị đơn cũng như tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Việc anh T cố tình vắng mặt đồng nghĩa với việc đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của đương sự trong việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ pháp luật mà Tòa án đang giải quyết là tranh chấp về "Ly hôn". Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn T là hợp pháp, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn anh, chị chung sống tại thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến bất đồng về quan điểm sống, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị M đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống từ năm 2014 cho đến nay, vợ chồng đã có thời gian dài sống ly thân. Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị M vẫn giữ quan điểm xin ly hôn anh Nguyễn Văn T. Về phía anh T đã nhiều lần được Tòa án triệu tập, tống đạt các tài liệu văn bản của Tòa án, và biết được việc chị M làm đơn xin ly hôn anh tại Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên nhưng anh T không có ý kiến gì. Vì vậy, xét

thấy cuộc sống chung giữa chị M và anh T không thể tiếp tục; anh, chị không còn yêu thương, chăm sóc nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, tình trạng hôn nhân giữa anh T, chị M đã trầm trọng, không thể hàn gắn được; vì vậy, cần giải quyết cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn T như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn T không có con chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Cho chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn T ly hôn.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2017/0006447 ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Bình Xuyên; chị Nguyễn Thị M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Lưu HS + VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Thanh Mai